Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2934.99.50

Mã HS	2934.99.50
Mô tả hàng hóa	Các axit nucleic và muối của chúng, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học; hợp chất dị vòng khác / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Oxadiazon, với độ tinh khiết tối thiểu là 94%
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 03:50:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29349950/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4398
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4398
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4398
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4355
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4316
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4316
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4316
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4316
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4316
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4316
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4354
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4354

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4354
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4354
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4354
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4354
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4358
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4358
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4358
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4358
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4358
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4358
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4358
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4322
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4318
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4318
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4318
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4318
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4318
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4318
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4318
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4318
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4318
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4318
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4318
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4318
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4365
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4365

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4365
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4365
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4365
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4365
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4362
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4362
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4362
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4362
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4362
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4362
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4370
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4370
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4370
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4370
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4370
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4370
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4341
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4341
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4341
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4341
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4341
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4341
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4343
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4343
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4343
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4343

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4343
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4343
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4341
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4341
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4341
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4341
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4341
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4341
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4341
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4362
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4362
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4362
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4362
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4362
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4362
RCEP B	2022	2022	0	B!D4362
RCEP B	2023	2023	0	B!E4362
RCEP B	2024	2024	0	B!F4362
RCEP B	2025	2025	0	B!G4362
RCEP B	2026	2026	0	B!H4362
RCEP B	2027	2027	0	B!I4362
RCEP C	2022	2022	0	C!D4362
RCEP C	2023	2023	0	C!E4362
RCEP C	2024	2024	0	C!F4362
RCEP C	2025	2025	0	C!G4362
RCEP C	2026	2026	0	C!H4362

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4362
RCEP D	2022	2022	0	D!D4362
RCEP D	2023	2023	0	D!E4362
RCEP D	2024	2024	0	D!F4362
RCEP D	2025	2025	0	D!G4362
RCEP D	2026	2026	0	D!H4362
RCEP D	2027	2027	0	D!I4362
RCEP E	2022	2022	0	E!D4365
RCEP E	2023	2023	0	E!E4365
RCEP E	2024	2024	0	E!F4365
RCEP E	2025	2025	0	E!G4365
RCEP E	2026	2026	0	E!H4365
RCEP E	2027	2027	0	E!I4365
RCEP F	2022	2022	0	F!D4362
RCEP F	2023	2023	0	F!E4362
RCEP F	2024	2024	0	F!F4362
RCEP F	2025	2025	0	F!G4362
RCEP F	2026	2026	0	F!H4362
RCEP F	2027	2027	0	F!I4362
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4015
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4015
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4015
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4015

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2934.99 có 6 dòng thuế; dòng 2934.99.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Oxadiazon, với độ tinh khiết tối thiểu là 94%.	2934.99.10 Các axit nucleic và muối của chúng; 2934.99.20 Sultones; sultams; diltiazem; 2934.99.30 Axit 6-Aminopenicillanic; 2934.99.40 3-Azido-3-deoxythymidine; 2934.99.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2934.99.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2934.99.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4398), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.